TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 696/2023/HS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 511/2023/TLPT-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: số 619/3, Ấp 3, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: viên chức; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Hùng X, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1969; Vợ: Trương Thị Trúc Đ, sinh năm 1988; có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 09/6/2022 cho đến nay, có mặt;

2. Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp X1, xã X2, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: viên chức; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 và bà Võ Thị T3, sinh năm: 1958; Vợ: Phạm Thị Hồng T4, sinh năm 1990; có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm

2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 09/6/2022 cho đến nay, có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn L- Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia tỉnh Bến Tre, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T1:* Ông Phạm Văn T5– Luật sư Công ty Luật TNHH B1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần D (sau đây viết tắt là Công ty), trụ sở: Số 60-62, đường 3/2, phường X3, quận N1, thành phố Cần Thơ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 1800277683, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp (có vốn Nhà nước trên 50% cổ phần). Công ty Cổ phần D có thành lập Chi nhánh tại tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 1800277683-021, đăng ký lần đầu ngày 26/3/2007. Chi nhánh Công ty Cổ phần D tại tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt là Chi nhánh Bến Tre) là đơn vị kinh doanh có quy chế tổ chức, tài sản, con dấu riêng và hoạt động theo ủy quyền, điều lệ của Công ty.

Chi nhánh Bến Tre gồm có 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu và trụ sở làm việc tại ấp Phú Nhơn, thị trấn Châu Thành, huyện C, tỉnh Bến Tre và 01 kho xăng dầu trung chuyển đóng tại ấp An Thuận (Ấp 8), xã An Thủy, huyện B2, tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt là Kho xăng dầu B2). Mai Thanh S1 được giao nhiệm vụ là Phó Giám đốc Chi nhánh Bến Tre (không có Giám đốc) phụ trách Chi nhánh Bến Tre theo Quyết định 539/QĐ-DKMK ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Công ty. Phụ trách bộ phận kế toán Chi nhánh là Nguyễn Phạm Thu N2, sinh năm 1992, đăng ký thường trú: ấp T6, xã T7, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long.

Kho xăng dầu B2 do Nguyễn Văn T làm Trưởng kho theo Quyết định số 56/QĐ-DKMK ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Giám đốc Công ty. Nguyễn Xuân T1, phụ trách kế toán kho theo Quyết định số 25/QĐ-DKMK ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Giám đốc Công ty. Bộ phận vận hành kho do Nguyễn Văn P, sinh năm 1984, đăng ký thường trú: Hộ 211, Chung cư Phường 5, đường D1, Khóm 1, Phường 5, thành phố T8, tỉnh Trà Vinh và Trần Quốc G, sinh năm 1980, đăng ký thường trú: Số 114 ấp Mỹ 1, xã T9, huyện L1, tỉnh Vĩnh Long phụ trách. Kho xăng dầu B2 có trách nhiệm bảo quản, xuất, nhập hàng hóa đúng quy định của Công ty và trực thuộc, chịu sự quản lý của Chi nhánh Bến Tre.

Việc bán hàng và đối chiếu công nợ với doanh nghiệp khách hàng tại Chi nhánh Bến Tre do Mai Thanh S1trực tiếp chỉ đạo, thực hiện và chịu trách nhiệm.

Quy trình bán hàng được thực hiện theo trình tự khi khách hàng có yêu cầu mua hàng, khách hàng liên hệ trực tiếp với Mai Thanh S1qua điện thoại di động (hoặc trực tiếp), yêu cầu báo giá và tiền hoa hồng, sau đó các bên chốt số lượng hàng hóa cần giao dịch. Mai Thanh S1thông báo cho bộ phận kế toán Chi nhánh, sau khi khách hàng chuyển tiền đặt hàng vào một trong các tài khoản của Công ty: Số tài khoản 72910000058055, 72110000237724 thuộc Ngân hàng BIDV; Số tài khoản 7100201002682, 7102201001779 thuộc Ngân hàng Agribank và Số tài khoản 070030037179 thuộc Ngân hàng Sacombank thì kế toán Nguyễn Phạm Thu N2 tiến hành làm đề nghị xuất hàng, trên đề nghị xuất hàng có nêu rõ đơn vị nhận hàng (mua hàng), số hóa đơn, số lượng xăng, dầu và nhiều nội dung liên quan khác, có chữ ký của người đề nghị Nguyễn Phạm Thu N2, ĐVBH (đơn vị bán hàng) Mai Thanh S1, sau đó gửi qua email đến Công ty để Lãnh đạo Phòng kinh doanh (sau đây viết tắt P.KD) và Phòng tài chính kế toán (P.TCKT) của Công ty phê duyệt. Đề nghị xuất hàng sau khi được duyệt, Công ty gửi về Chi nhánh Bến Tre để xuất hóa đơn và gửi cho Kho xăng dầu B2 để theo dõi và chuyển quyền sở hữu hàng hóa tương ứng thành hàng gửi của khách hàng (đơn vị mua hàng) tại kho và lên công nợ cho khách hàng. Khi khách hàng có nhu cầu nhận hàng thì thông báo cho S1 biết số lượng cần nhận, S1 gọi điện yêu cầu Nguyễn Văn T kiểm tra và chỉ đạo các nhân viên của kho thực hiện các quy trình xuất hàng, kế toán ra phiếu xuất kho, bộ phận vận hành bơm xăng, dầu vào xe bồn và làm các thủ tục về kỹ thuật khác để xuất kho bàn giao hàng hóa cho xe bồn vận chuyển đến giao cho khách hàng theo số lượng yêu cầu. Trên phiếu xuất kho có chữ ký của Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1, người nhận hàng (lái xe bồn) được các doanh nghiệp ủy quyền hoặc giới thiệu (do theo quy định của Công ty phía doanh nghiệp nhận hàng phải có người đại diện hoặc được ủy quyền đến kho để nhận hàng). Việc bàn giao xăng dầu hoàn tất kể từ khi phương tiện vận chuyển nhận hàng xong tại kho.

Về quy chế quản lý nợ, Công ty Cổ phần D có chính sách khuyến khích bán hàng nên đối với từng khách hàng cụ thể Công ty có thể cho nợ lại tiền mua hàng (công nợ) trong hạn mức nhất định với điều kiện khách hàng phải có bảo lãnh của Ngân hàng hoặc nợ tín chấp do Giám đốc Chi nhánh bảo lãnh (thời hạn 03 ngày hoặc 07 ngày). Trong quá trình mua bán giữa hai bên thì công nợ không được vượt quá hạn mức mà Công ty cho phép, nếu vượt quá hạn mức công nợ thì trong thời hạn 10 ngày khách hàng phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng, giảm công nợ xuống không được vượt quá hạn mức. Đến cuối tháng, Mai Thanh S1trực tiếp đến từng khách hàng đối chiếu công nợ, sau đó hai bên ký bản đối chiếu công nợ để theo dõi, rồi S1 gửi 01 bản về Công ty. Việc thanh toán công nợ theo hợp đồng giữa các doanh nghiệp với Chi nhánh Công ty Cổ phần D được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản đăng ký của doanh nghiệp đến tài khoản của Chi nhánh Công ty Cổ phần D do đơn vị bán hàng chỉ định. Ngoài ra, trường hợp khách hàng có nhu cầu, Chi nhánh đến thu tiền trực tiếp, toàn bộ số tiền thu được phải nộp ngay vào tài khoản của Công ty hoặc Chi nhánh.

Về quản lý tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng theo quy chế của Công ty Cổ phần D thể hiện Công ty và các đơn vị trực thuộc mở tài khoản để giao dịch thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ, thanh toán với khách hàng, cuối ngày chuyển tự động về tài khoản của Công ty và Tổng Công ty, số dư tối đa duy trì trên mỗi tài khoản đơn vị là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, khi khách hàng có nhu cầu nộp tiền mặt trực tiếp tại Chi nhánh, thì Chi nhánh tiến hành thu tiền và nộp ngay vào tài khoản của Chi nhánh hoặc Công ty. Trường hợp khách hàng có nhu cầu, Chi nhánh đến thu tiền trực tiếp, Trưởng Chi nhánh có trách nhiệm tổ chức, phân công cho nhân viên đến thu tiền trực tiếp, toàn bộ tiền thu được phải nộp ngay vào tài khoản của Chi nhánh hoặc Công ty. Hạn mức tồn quỹ tối đa của Chi nhánh là 10.000.000 đồng.

Trong thời gian phụ trách Chi nhánh Bến Tre, Mai Thanh S1có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần D và một số các doanh nghiệp liên quan dùng để đánh bạc và tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng hoàn trả. Đến ngày 21/8/2018, Mai Thanh S1 đến Công ty Cổ phần D tự thú.

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến 21/8/2018, danh sách 19 doanh nghiệp khách hàng có liên quan như sau:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại xăng dầu T10 (Công ty T10), địa chỉ ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Huỳnh Văn T11, sinh năm 1970, nơi cư trú ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N3, địa chỉ Số 119, ấp T12, xã T13, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1972, nơi cư trú ấp T12, xã T13, huyện B2.

3. Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4, địa chỉ ấp P, xã P1, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là bà Đào Thị Minh T14, sinh năm 1979, nơi cư trú ấp P, xã P1, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

4. Doanh nghiệp tư nhân T15, địa chỉ ấp X3, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là bà Nguyễn Thị Minh T16, sinh năm 1972, nơi cư trú ấp X3, xã M1, huyện B2.

5. Doanh nghiệp tư nhân T17, địa chỉ ấp M2, xã M3, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là bà Phạm Thị N5, sinh năm 1992, nơi cư trú Số 171/MH ấp M2, xã M3, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

6. Doanh nghiệp tư nhân H2, địa chỉ ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Võ Văn T18, sinh năm 1991, nơi cư trú ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

7. Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3– Cửa hàng xăng dầu T19(Cửa hàng Trường Thịnh), địa chỉ Số 267/AB, ấp An Bình, xã An Thủy, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Hồ Văn Đ1, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

8. Doanh nghiệp tư nhân T20, địa chỉ Ấp 4, xã Mỹ Nhơn, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Phạm Hoàng M4, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp 1, xã Mỹ Nhơn, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

9. Doanh nghiệp tư nhân N6, địa chỉ: ấp Thạnh Hải, xã Bảo Thuận, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Đặng Hồng S2, sinh năm 1972, nơi cư trú ấp Thạnh Bình, xã Bảo Thuận, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

10. Doanh nghiệp tư nhân C1, địa chỉ: ấp Cây Dầu, xã Mỹ Chánh, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Nguyễn Hùng C2, sinh năm 1975, nơi cư trú ấp Cây Dầu, xã Mỹ Chánh, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

11. Doanh nghiệp tư nhân N7, địa chỉ: Số 56, Võ Trường Toản, Khu phố 4, thị trấn Ba Tri, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Phạm Văn T21, sinh năm 1975, nơi cư trú Số 56, Võ Trường Toản, Khu phố 4, thị trấn Ba Tri, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

12. Doanh nghiệp tư nhân X4, địa chỉ: ấp An Bình, xã An Hòa Tây, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Huỳnh Văn P2, sinh năm 1957, nơi cư trú ấp An Bình, xã An Hòa Tây, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

13. Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu L3, địa chỉ: Ấp 1, xã An Bình Tây, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Võ Hiệp H4, sinh năm 1955, nơi cư trú ấp An Hòa, xã An Bình Tây, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

14. Doanh nghiệp tư nhân H5, trụ sở tại Số 360P, ấp An Phú, xã An Bình Tây, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là ông Phạm Văn B4, sinh năm 1952, nơi cư trú Số 360P, ấp An Phú, xã An Bình Tây, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

15. Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại một thành viên xăng dầu Q, địa chỉ ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện M, tỉnh Bến Tre; người đại diện là Liêu Thị Kiều T22, sinh năm 1987, nơi cư trú ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

16. Doanh nghiệp tư nhân T23, địa chỉ: Số 73B, Trần Hưng Đạo, thị trấn Ba Tri, huyện B2, tỉnh Bến Tre; người đại diện là bà T23, sinh năm 1959, nơi cư trú Số 01 Trần Hưng Đạo, Khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

17. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xăng dầu M5, địa chỉ: Số 289, Ô1, Khu 2, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang; người đại diện là ông Vũ Duy T24, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

18. Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa dầu N8, địa chỉ: 35/23C, Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện là ông Phạm Phú T25, sinh năm 1972, nơi cư trú Số 327 Nguyễn Thị Định, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Doanh nghiệp tư nhân P2, địa chỉ: 184/TP ấp Tân Phú, xã Tân Mỹ, huyện B2, tỉnh Bến Tre, người đại diện là ông Đinh Văn G1, sinh năm 1987; cư trú: ấp Tân Phú, xã Tân Mỹ, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Để có tiền tham gia đánh bạc và tiếp tục đánh bạc khi bị thua và tiêu xài cá nhân, từ tháng 6/2018 đến 21/8/2018, Mai Thanh S1 đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt của Công ty Cổ phần D tổng số tiền: 4.372.034.340 đồng, chiếm đoạt của doanh nghiệp tổng số tiền là 321.727.512 đồng, cụ thể các hành vi như sau:

- Mai Thanh S1 đại diện cho Chi nhánh Bến Tre yêu cầu khách hàng chuyển tiền qua tài khoản cá nhân, đưa tiền mặt để thanh toán công nợ cho Công ty Cổ phần D nhưng S1 chiếm đoạt sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Bằng thủ đoạn này, Mai Thanh S1đã chiếm đoạt tổng cộng số tiền 1.042.920.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) thanh toán công nợ của 09 công ty, doanh nghiệp gồm: Công ty T10 số tiền 32.000.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân T17 số tiền 209.980.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân H2 số tiền 352.180.000 đồng; Cửa hàng xăng dầu T19số tiền 98.850.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân T20 số tiền 39.540.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân C1 số tiền 87.810.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân X4 số tiền 96.000.000 đồng; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Q1 số tiền 36.560.000 đồng và Doanh nghiệp tư nhân P2 số tiền 90.000.000 đồng. Tổng số tiền này, Mai Thanh S1có nghĩa vụ nộp vào tài khoản Công ty Cổ phần D, nhưng S1 đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Mai Thanh S1 lợi dụng sự tin tưởng của Lãnh đạo Công ty Cổ phần D và chính sách bán hàng cho nợ linh động của Công ty Cổ phần D, Mai Thanh S1đã tự ý thực hiện quy trình đặt hàng (không có sự đồng ý của khách hàng) báo cáo gian dối về Lãnh đạo Công ty thông qua đơn đặt hàng và đề nghị xuất hàng để Lãnh đạo Công ty phê duyệt giống như những đơn hàng bình thường của khách hàng nhưng ghi nợ cho khách hàng. Sau khi được phê duyệt S1 chỉ đạo Kho xăng dầu B2 làm thủ tục xuất kho để S1 bán cho khách hàng hoặc trả phiếu cho lượng hàng S1 đã mượn kho trước đó. Bằng thủ đoạn này, S1 đã chiếm đoạt tổng số tiền là 1.196.130.000 đồng (một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu một trăm ba mươi ngàn đồng) của Công ty Cổ phần D thông qua việc lên hóa đơn cho 09 khách hàng gồm:

1. Doanh nghiệp tư nhân N9: Mai Thanh S1tự ý lên 03 hóa đơn gồm: hóa đơn số 2851 ngày 15/8/2018 số lượng 3.000 lít xăng A95, hóa đơn số 2852 ngày 15/8/2018 số lượng 2.000 lít dầu DO và hóa đơn số 2884 ngày 18/8/2018 số lượng 1.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Doanh nghiệp tư nhân N9 với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 107.850.000 đồng;

2. Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4: Mai Thanh S1tự ý lên 02 hóa đơn gồm hóa đơn số 2894 ngày 20/8/2018 và hóa đơn số 2895 ngày 20/8/2018, để làm thủ tục xuất kho số lượng 2.000 lít xăng A95 và 3.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4 với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 88.080.000 đồng;

3. Doanh nghiệp tư nhân T15: Mai Thanh S1tự ý 02 hóa đơn gồm hóa đơn số 2879 ngày 18/8/2018 và hóa đơn số 2880 ngày 18/8/2018 để làm thủ tục xuất

kho tổng số hàng 3.000 lít xăng A95 và 2.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Doanh nghiệp tư nhân T15 với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 91.670.000 đồng;

4. Doanh nghiệp tư nhân N7: Mai Thanh S1tự ý 02 hóa đơn gồm hóa đơn số 2842, 2846 cùng ngày 14/8/2018, để làm thủ tục xuất kho tổng số lượng 2.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Doanh nghiệp tư nhân N7 với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 32.360.000 đồng;

5. Doanh nghiệp tư nhân Thương mại xây dựng L3: S1 tự ý lên 02 hóa đơn số 2803, 2805 cùng ngày 06/8/2018, để làm thủ tục xuất kho tổng số lượng 2.000 lít xăng A95 và 3.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại xây dựng L3 với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 88.010.000 đồng;

6. Doanh nghiệp tư nhân T23: S1 tự ý ghi thêm số lượng 2.000 lít xăng A95 trong hóa đơn số 2872 mua 5.000 lít xăng A95 vào ngày 17/8/2018, ghi nợ cho Doanh nghiệp tư nhân T23 với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 39.580.000 đồng;

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Q1: Mai Thanh S1đã tự ý lên, ghi nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Q1 với Công ty Cổ phần D số tiền 484.440.000 đồng, như sau:

STT	Ngày	Hóa đơn	Lượng hàng	Giá trị
01	27/6/2018	2377	4000 lít xăng A95	80.560.000đ
02	27/6/2018	2378	3000 lít dầu DO	49.440.000đ
03	01/8/2018	2764	5000 lít xăng A95	99.450.000đ
04	01/8/2018	2765	2000 lít dầu DO	32.220.000đ
05	14/8/2018	2843	5000 lít xăng A95	98.700.000đ
06	14/8/2018	2844	2000 lít dầu DO	32.300.000đ
07	18/8/2018	2593	3000 lít xăng A95	59.370.000đ
08	18/8/2018	2595	2000 lít dầu DO	32.400.000đ
Tổng cộng		**17.000 lít xăng A95 và 9.000 lít dầu DO**		**484.440.000đ**

8. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng M5: Mai Thanh S1tự ý lên 02 hóa đơn số 2838 vào ngày 13/8/2018 và hóa đơn số 2864 vào ngày 16/8/2018 để làm thủ tục xuất kho cho Công ty M5 tổng số lượng 5.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Công ty M5 số tiền hàng tương ứng 80.800.000 đồng.

9. Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa dầu N8: S1 tự ý lên 02 hóa đơn số 2877, 2878 cùng ngày 18/8/2018 tổng số lượng 6.000 lít xăng A95 và 4.000 lít dầu DO, ghi nợ số tiền mua hàng 183.340.000 đồng cho Công ty N10 với Công ty Cổ phần D.

Qua đối chiếu sổ giao nhận hàng của các phương tiện với số liệu trên thẻ kho của Công ty Cổ phần D cung cấp, xác định được trong số tiền trên, Mai Thanh S1báo cáo gian dối, tự ý lên công nợ cho khách hàng và làm thủ tục xuất kho trên sổ sách để bù lượng hàng đã mượn kho trước đó, tổng các đơn hàng có giá trị: 748.480.000 đồng. Tự ý lên công nợ cho khách hàng, sau khi được Lãnh đạo Công ty phê duyệt, S1 làm thủ tục xuất kho bán cho khách hàng, tổng đơn hàng có giá trị 447.650.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 314/2019/GĐTL ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận đối với chữ viết, chữ ký trên tài liệu thu thập được (số xe 64C-009.91 và 71C-06563) trong vụ án xảy ra tại Chi nhánh Công ty Cổ phần D tại tỉnh Bến Tre là phù hợp với lời khai của những người có liên quan.

- Mai Thanh S1yêu cầu Nguyễn Văn T- Trưởng Kho xăng dầu B2 và Nguyễn Xuân T1- Kế toán Kho xăng dầu B2 làm thủ tục xuất kho hàng gửi của khách hàng nhưng không giao hàng, Mai Thanh S1đã chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần D có giá trị tổng cộng 429.140.000 đồng (bốn trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng), tương ứng hàng gửi của các doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N3 số lượng 5.000 lít xăng A95 và 5.000 lít dầu DO, giá trị 182.150.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu Long Thành số lượng 3.000 lít dầu DO, giá trị 48.540.000 đồng và Doanh nghiệp tư nhân H5 số lượng 10.000 lít xăng A95, giá trị 198.450.000 đồng.

- Mai Thanh S1nhắn tin cho Nguyễn Văn T là Trưởng Kho xăng dầu B2 và Nguyễn Xuân T1là Kế toán kho yêu cầu xuất hàng hóa là xăng dầu được tồn chứa tại kho để bán cho các khách hàng nhưng chưa có hóa đơn, hồ sơ xuất kho. S1 cam kết sẽ bổ sung hồ sơ (trả phiếu) đầy đủ. Tuy nhiên, S1 đã bán cho các khách hàng, thu tiền và chiếm đoạt. Căn cứ vào lời khai của Mai Thanh S1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1đối chiếu với số liệu bán hàng của Công ty Mê Kông, các sổ sách giao hàng của các phương tiện, kết quả kiểm tra điện thoại của S1, T, Tiền và kết quả thu giữ dữ liệu điện tử là file exel trên máy tính để bàn tại Kho xăng dầu B2 do Nguyễn Xuân T1tạo thể hiện đến ngày 21/8/2018 tổng số hàng Mai Thanh S1yêu cầu xuất kho sai quy trình còn thiếu tại kho như sau: tổng số xăng Ron 95-III (ở nhiệt độ thường): 47.000 lít (bốn mươi bảy ngàn lít); tổng số dầu DO 0.05%S-II còn nợ phiếu (ở nhiệt độ thường): 48.313 lít (bốn mươi tám ngàn ba trăm mười ba lít).

Số lượng xăng, dầu còn thiếu tại kho nêu trên tương đối phù hợp với kết quả kiểm kê đối với các mặt hàng xăng, dầu tại Kho xăng dầu B2 ngày

22/8/2018. Tại biên bản kiểm kê tài sản nêu trên của Công ty Cổ phần D thể hiện:

1. Xăng Ron 95-III:

- Số lượng tồn theo sổ sách: 123,959 lít (ở nhiệt độ 15 độ C);

- Số lượng tồn thực tế: 78,903 lít, quy đổi về 15 độ C: 77,546 lít.

- Chênh lệch giữa tồn thực tế và tồn sổ sách: -46,413 lít (thiếu bốn mươi sáu ngàn bốn trăm mười ba lít ở nhiệt độ 15 độ C).

2. Dầu DO 0.05%S-II:

- Số lượng tồn theo sổ sách: 67,688 lít (ở nhiệt độ 15 độ C)

- Số lượng tồn thực tế: 20,417 lít, quy đổi về 15 độ C: 20,169 lít.

- Chênh lệch giữa tồn thực tế và tồn sổ sách: -47,519 lít (thiếu bốn mươi bảy ngàn năm trăm mười chín lít ở nhiệt độ 15 độ C).

Về giá xăng, dầu: Tại Công văn số 47 ngày 08/01/2020 của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre cung cấp giá xăng, dầu theo quy định từ 15 giờ ngày 07/8/2018 đến 15 giờ ngày 22/8/2018: Xăng Ron 95-III: 21.170 đồng/lít; Dầu DO 0.05S-II: 17.530 đồng/lít.

Đồng thời, theo Công văn số 01 ngày 18/02/2020 của Công ty Cổ phần D Chi nhánh Bến Tre (được sự ủy quyền của Công ty Cổ phần D) cung cấp giá, xăng dầu từng thời điểm có chiết khấu: thời điểm từ 07/8/2018 đến 22/8/2018: giá Xăng Ron 95-III: 21.170 đồng/lít, ngày 21/8/2018: chiết khấu: 1.550 đồng/lít, giá bán trừ chiết khấu là 19.620 đồng/lít; Dầu DO 0.05S-II: 17.530 đồng/lít; ngày 21/8/2018: chiết khấu: 1.350 đồng/lít, giá bán trừ chiết khấu là 16.180 đồng/lít.

Tóm lại, tổng giá trị hàng hóa, S1 đã chiếm đoạt bằng thủ đoạn này là: (47.000 lít xăng A95 x 19.620 đồng/lít) + (48.313 lít dầu DO x 16.180 đồng/lít) = 1.703.844.340 đồng (một tỷ bảy trăm lẻ ba triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi đồng.

Qua điều tra xác định, Nguyễn Văn T là Trưởng Kho xăng dầu B2, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, được sự chỉ đạo của S1, T đã chỉ đạo cấp dưới xuất kho xăng, dầu sai quy trình, đồng thời chỉ đạo cho Nguyễn Xuân T1, là kế toán kho thực hiện việc hợp thức hóa hồ sơ, lập sổ sách, báo cáo gửi về Công ty Cổ phần D không đúng thực tế với hiện trạng xuất kho, tồn kho hàng hóa và hoạt động tại kho, tạo điều kiện để Mai Thanh S1chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đã nêu như: làm thủ tục xuất kho trên sổ sách (do Mai Thanh S1tự ý lên hóa đơn) để bù lượng hàng đã xuất kho sai quy trình trước đó với tổng giá trị: 748.480.000 đồng, làm thủ tục xuất kho hàng gửi của khách hàng nhưng không giao hàng (xuất khống) để bù cho lượng hàng đã xuất kho sai quy trình trước đó với tổng giá trị 429.140.000 đồng và xuất kho để bán cho khách hàng khi không có hóa đơn chứng từ với tổng giá trị là 1.703.844.340 đồng. Tổng cộng, Nguyễn

Văn T và Nguyễn Xuân T1đã thực hiện hành vi giúp sức cho Mai Thanh S1chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 2.881.464.340 đồng.

- Ngoài ra, trong thời gian nêu trên Mai Thanh S1còn có hành vi nhận tiền đặt mua hàng ngoài của khách hàng nhưng chiếm đoạt, không giao hàng. S1 chiếm đoạt tổng số tiền là 321.727.512 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm mười hai đồng) của 04 khách hàng gồm: Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4 số tiền 150.415.012 đồng; Doanh nghiệp tư nhân T15 số tiền 91.112.500 đồng; Doanh nghiệp tư nhân N6 số tiền 47.940.000 đồng và Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu L3 số tiền 32.260.000 đồng. Số tiền này S1 dùng để tham gia đánh bạc, thua hết, không có khả năng chi trả cho các doanh nghiệp nêu trên.

- *Hành vi đánh bạc của Mai Thanh S1:* Từ giữa tháng 6/2018 đến tháng 8/2018, Mai Thanh S1đã tham gia đánh bạc trên mạng internet thông qua trang web M88.APPS có tên miền "MS3388.com". S1 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức cá độ bóng đá giải Wordcup 2018 và đánh bài trực tuyến. Để tham gia đánh bạc, S1 vào trang web M88.APPS có tên miền "MS3388.com" tạo tài khoản đánh bạc tên "maithanhS11987", cung cấp thông tin số tài khoản cá nhân cho người quản lý. Sau khi tài khoản được đăng ký, S1 tiến hành chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của S1 đến tài khoản Ngân hàng do người quản lý trang web cung cấp, sau đó tiền được chuyển thành tiền ảo thể hiện trên trang web. Trong giao diện của trang web, Mai Thanh S1lựa chọn hình thức tham gia đánh bạc và số tiền cược để thực hiện nhiều lần đánh bạc. Khi có yêu cầu rút tiền thì thực hiện lệnh rút tiền, số tiền ảo trên trang web được chuyển vào tài khoản Ngân hàng của S1. Căn cứ Sổ phụ tài khoản số 070043831753 của Mai Thanh S1kèm theo Công văn trả lời số 414A/2018/CNBT ngày 10/01/2018 của Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh tỉnh Bến Tre; Căn cứ Sao kê tài khoản số 72910000070323 của Mai Thanh S1kèm theo Công văn trả lời số 155/CCTT-BIDV.ĐK-QLRR ngày 24/10/2018 của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh tỉnh Bến Tre và lời khai, đối chiếu của Mai Thanh S1xác định: Từ ngày 15/6/2018 đến ngày 21/8/2018, tổng số tiền Mai Thanh S1chuyển đến các tài khoản để đánh bạc là 13.286.560.000 đồng (mười ba tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng số tiền Mai Thanh S1nhận được từ tài khoản đánh bạc chuyển đến 41 lần là 9.567.260.000 (chín tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng). Số tiền chênh lệch mà Mai Thanh S1tham gia đánh bạc bị thua trên mạng Internet là 3.719.300.000 đồng (ba tỷ bảy trăm mười chín triệu ba trăm ngàn đồng). Mai Thanh S1đã chuyển tiền từ các tài khoản Ngân hàng của S1 đến các tài khoản đánh bạc 129 lần, tổng số tiền chuyển 13.286.560.000đ, trong đó có 06 lần chuyển khoản số tiền dưới 5.000.000 đồng, số tiền cao nhất một lần chuyển đánh bạc là 625.250.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 4371/C09B ngày 24/12/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Trang web có tên miền "MS3388.com" vẫn còn hoạt động trên mạng Internet. Thời gian đăng ký hoạt động của tên miền "MS3388.com" là từ ngày 29/6/2017 đến ngày 28/6/2019. Đến ngày 19/12/2018 trang web tên miền "MS3388.com" còn hoạt động.

2. Không xác định được cá nhân, tổ chức thiết lập, quản lý, điều hành trang web có tên miền "MS3388.com". Trang web có tên miền "MS3388.com" được truy cập tự do.

3. Trích xuất 03 hình ảnh trang chủ trang web có tên miền "MS3388.com" mô tả giao diện trang web. Nội dung trang web có liên quan đến cá cược bóng đá và đánh bài trực tiếp. Chi tiết trong bản ảnh đính kèm.

4. Không xác định được tình trạng hoạt động của trang web có tên miền "MS3388.com" trong khoảng thời gian 01/6/2018 đến ngày 07/9/2018. Không đăng nhập được vào tài khoản có tên đăng nhập "maithanhS11987" trên trang web có tên miền "MS3388.com". Không xác định được nguyên nhân không đăng nhập được vào tài khoản có tên đăng nhập "maithanhS11987" trên trang web có tên miền "MS3388.com"

5. Khôi phục, trích xuất dữ liệu lịch sử duyệt trang web có tên miền "MS3388.com" trên thiết bị gửi giám định ký hiệu A1. Chi tiết dữ liệu lịch sử duyệt trang web trong tài liệu đính kèm.

6. Khôi phục, trích xuất dữ liệu tin nhắn văn bản (SMS) trên hai điện thoại gửi giám định: hiệu Iphone model: A1586, số IMEI: 35302 409196 1816, kèm theo 01 sim mã số: 89840 20001 05768 05055 (ký hiệu A1), hiệu Samsung model: SM-G610F/DS, số IMEI: 358860/08/420862/3, 358861/08/420862/1, kèm theo 02 sim mã số: 8401 1705 5121 4218 0T, 8401 1801 9298 7744 0T (ký hiệu A2). Chi tiết dữ liệu tin nhắn trong đĩa CD-R đính kèm.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng nhạt, số IMEI: 353024091961816 bên trong có lắp sim số thuê bao 0919413355 (do Mai Thanh S1giao nộp);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu SAM SUNG màu vàng nhạt, số IMEI: 358860/08/420862/3 và 358861/08/420862/1, bên trong có lắp sim số 0939875375 và 01 sim không rõ số thuê bao (do Mai Thanh S1giao nộp);

- 01 (một) máy tính (laptop) hiệu HP, model 14-a1117TU, HP-B00502010 (do Nguyễn Hữu Duy đại diện Chi nhánh Công ty CPDK Mê Kông tại tỉnh Bến Tre giao nộp vào ngày 01/10/2018);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có lắp sim số 0934.891.901 (do Nguyễn Văn Tgiao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre vào ngày 12/10/2018;

** Đối với yêu cầu về dân sự:*

- Công ty Cổ phần D có yêu cầu bị cáo Mai Thanh S1bồi thường số tiền: 1.113.510.000 đồng (một tỷ một trăm mười ba triệu năm trăm mười ngàn đồng) là số tiền S1 đã chiếm đoạt của Công ty thông qua hoạt động mua bán với các doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N3, Doanh nghiệp tư nhân C1, Doanh nghiệp tư nhân X4, Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu L3, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Q1 và Doanh nghiệp tư nhân P2. Các doanh nghiệp còn lại, đại diện Công ty Cổ phần D cho rằng nghĩa vụ thực hiện công nợ do các doanh nghiệp thực hiện nên không có yêu cầu Mai Thanh S1bồi thường.

- Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4 yêu cầu Mai Thanh S1bồi thường số tiền 150.415.012 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân T15 yêu cầu Mai Thanh S1bồi thường số tiền 91.112.000 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu L3 yêu cầu Mai Thanh S1bồi thường số tiền 32.260.000 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân N6 yêu cầu Mai Thanh S1bồi thường số tiền 47.940.000 đồng.

- Bị cáo Mai Thanh S1đã tác động mẹ ruột là bà Triệu Thị Thu H6 bồi thường thiệt hại Công ty Cổ phần D số tiền 20.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn T đã tác động vợ là Trương Thị Trúc Đ tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần D số tiền 20.000.000 đồng.

- Nguyễn Xuân T1đã tác động gia đình, nhờ người thân là bà Nguyễn Thị Kiều Mỹ T25 bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần D số tiền 425.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Bị cáo Mai Thanh S1 phạm "Tội tham ô tài sản"; "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Tội đánh bạc";

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 phạm "Tội tham ô tài sản";

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Thanh S1 18 năm tù về "Tội tham ô tài sản".

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Thanh S1 05 năm tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Thanh S1 03 năm tù về "Tội đánh bạc".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Mai Thanh S1 chấp hành hình phạt chung cho ba tội là 26 (hai mươi sáu) năm tù, nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giam là 07 tháng 29 ngày (từ ngày 19 tháng 9 năm 2020 đến ngày 15 tháng 5 năm 2021). Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 25 (Hai mươi lăm) năm 04 (bốn) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2022.

1.2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2022.

1.3. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2023 bị cáo Nguyễn Xuân T1có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất vì bị cáo chỉ làm theo chỉ đạo cấp trên, không có vụ lợi cho cá nhân, hành vi không đến mức phạm tội tham ô tài sản.

Ngày 20/6/2023 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo không có hưởng lợi, không mục đích vụ lợi, chỉ vì cung cấp hàng nhanh chóng, kịp thời cho khách hàng. Bị cáo làm theo chỉ đạo cấp trên và do tin tưởng cấp trên, bị cáo không biết xảy ra thất thoát và cũng không mong muốn hậu quả xảy ra. Trước đó cũng xuất hàng nhưng không xảy ra thất thoát. Bị cáo đã chủ động ngưng cấp hàng nên đã hạn chế thất thoát tài sản và từ đó sự việc mới được phát giác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn Tkháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem lại tội danh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bản án sơ thẩm xử các bị cáo tội "Tham ô tài sản" là có căn cứ, không oan, không sai. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem lại tội danh nhưng không có căn cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Bị cáo T kháng cáo đề nghị xem xét tội danh và giảm nhẹ hình phạt. Bản án sơ thẩm số 25/2023/HS/ST ngày 08/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên phạt cho bị cáo 9 năm tù là quá nặng so với động cơ, mục đích, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tội danh: Nếu bị cáo phạm tội thì cũng không đồng phạm tội "Tham ô tài sản" với bị cáo Mai Thanh S1với vai trò giúp sức.

Thứ nhất: Bị cáo T không có bàn bạc, không biết bị cáo S1 dùng tiền của doanh nghiệp mua xăng dầu ngoài kế hoạch để đánh bạc, không biết rõ động cơ mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo S1. Để thực hiện việc chiếm đoạt xăng dầu, bị cáo S1 đã dùng quyền hạn của mình là Phó giám đốc chi nhánh chỉ đạo, dùng thủ đoạn lừa dối để cấp dưới tin tưởng, miễn cưỡng thực hiện theo ý đồ của mình.

Thứ hai: Khi Bị cáo T về nhận nhiệm vụ Trưởng kho từ ngày 09/01/2018 thì đến ngày 05/2/2018 S1 nhắn tin xuất hàng sai quy trình (xuất hàng dạng tạm ứng) nhiều lần nhưng sau đó bị cáo S1 đã bổ sung hồ sơ đầy đủ (hóa đơn, đề nghị xuất hàng...) và không có xảy ra hao hụt, mất mát. Đây là hoạt động thực tế tuy không được Công ty cho phép nhưng ai cũng ngầm hiểu làm theo cách này; cũng như việc Công ty đồng ý bán hàng trả chậm theo kiểu cho nhận hàng trước trả tiền sau ở tất cả các Doanh nghiệp (không đúng như hợp đồng) như quy định bất thành văn nhằm mục đích tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng.

Lợi dụng sơ hở này S1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền và xăng dầu của Công ty M6để thanh toán cho các khoản tiền các Doanh nghiệp mua hàng ngoài kế hoạch. Thực chất S1 bịa ra việc có hàng ngoài Kế hoạch là để các doanh nghiệp chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của S1 để S1 đem đi đánh bạc. Việc hồ sơ được hợp thức hóa bằng cách giả mạo khách hàng của bị cáo S1 lập ra nhằm giảm bớt số lượng xăng dầu đã yêu cầu xuất qua tin nhắn Bị cáo T và T1 hoàn toàn không biết và không thể biết nên không thể quy kết đây là hành vi đồng phạm với bị cáo S1. Nếu buộc tội T và T1 thì phải buộc những người cùng tham gia ký tên vào các hồ sơ chứng từ cũng có hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức như Nguyễn Phạm Thu N2 (kế toán chi nhánh); Trương Hữu Q2(Phó Phòng kinh doanh), Lê Thanh B5(Trưởng Phòng tài chính kế toán), Trương Minh C3(Phó Phòng tài chính kế toán), Lê Thành Bảo N11(chuyên viên phòng kinh doanh) của Công ty M6 là những người trực tiếp đã ký vào hồ sơ giả mạo này.

Thứ ba: Tất cả các lời khai của bị cáo S1 đều thừa nhận không có bàn bạc trao đổi với T việc S1 đánh bạc, mua bán xăng dầu ngoài kế hoạch, lấy xăng dầu của Công ty bán lấy tiền để đánh bạc. Quan hệ giữa S1 và T là quan hệ phụ thuộc giữa cấp trên và cấp dưới. Mục đích, động cơ làm trái quy định của Công ty của bị cáo S1 và Bị cáo T không giống nhau, không cùng lợi ích vật chất hay lợi ích phi vật chất khác. T hoàn toàn không biết ý đồ, mục đích chiếm đoạt tài sản của S1. Muốn kết tội T đồng phạm với S1 với vai trò giúp sức thì ít nhất bắt buộc T phải biết S1 yêu cầu xuất xăng dầu là để chiếm đoạt tài sản của Công ty. Việc quy kết hành vi trên của bị cáo T, Tiền là hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức là kết luận không khách quan, thiếu căn cứ chứng minh khi buộc ý thức chủ quan T và Tiền không thể không biết việc S1 làm sai là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Bản án không đề cập việc mua bán xăng ngoài kế hoạch giữa S1 và các doanh nghiệp là quan hệ cá nhân trong khi việc đánh bạc liên quan trực tiếp đến giao dịch này không liên quan đến Công ty dẫn đến không phản ánh bản chất của vụ án.

Thứ tư: Bị cáo T không đồng tình với việc làm sai trái của S1, lo sợ bị Công ty kỷ luật nên rất nhiều lần yêu cầu S1 phải hoàn tất các thủ tục đối với số lượng xăng dầu xuất tạm ứng. Khi yêu cầu xuất hàng S1 nói làm vậy là thực hiện theo tinh thần của Đề án 808 "Nâng cao chất lượng dịch vụ xuất nhập hàng hóa tại kho xăng dầu" phục vụ khách hàng 24/7. Ý thức chủ quan của bị cáo T, Tiền là tuy xuất hàng theo tin nhắn khi chưa có đề nghị xuất hàng nhưng xăng dầu xuất ra đại diện doanh nghiệp đều có ký nhận đầy đủ, xác nhận có số lượng đúng với thực tế nên không nghĩ kho bị thất thoát, mất mát.

Thứ năm: Việc xuất xăng dầu theo kiểu "tạm ứng" có từ đầu tháng 1/2018 với số lượng gần 1,2 triệu lít xăng dầu nhưng không có trường hợp nào bị thất thoát, vì cuối tháng khi đối chiếu số liệu sẽ xác định công nợ của hai bên rõ ràng. Tại Cơ quan điều tra khi đối chiếu công nợ, Công ty M6 xác định số lượng xăng dầu mà doanh nghiệp đã ký nhận tại kho phải thanh toán lại cho Công ty, nhưng phía doanh nghiệp nói đã trả tiền cho bị cáo S1. Công ty M6 cho rằng tiền doanh nghiệp chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo S1 để mua xăng dầu ngoài kế hoạch là việc mua bán giữa cá nhân S1 và các doanh nghiệp không liên quan gì đến Công ty.

Thứ sáu: Để trấn an cho bị cáo T, T1 yên tâm về trách nhiệm, bị cáo S1 viết văn bản "Giấy cam kết" ngày 18/7/2018. Tại "Biên bản họp về xem xét trách nhiệm cá nhân của Mai Thanh S1trong việc chiếm dụng tiền của Công ty để sử dụng vào mục đích cá nhân ngày 24/8/2018 thì S1 đã xác nhận *"xin Công ty xem xét phần thiếu hụt 93.932 lít xăng dầu tại Kho Ba Tri là do lỗi cá nhân của riêng em, em xin chịu trách nhiệm trên"*.

Thứ bảy: Cá nhân bị cáo T, T1 không mong muốn hậu quả thất thoát xảy ra. Việc xuất tạm ứng xăng dầu tại Kho Ba Tri với việc bị cáo S1 chiếm đoạt tài sản không có mối quan hệ nhân quả**.** Vì trước đó việc "tạm ứng trước" xăng dầu qua tin nhắn của S1 diễn ra đều đặn kéo dài từ tháng 01/2018 nhưng sau đó đều được bổ sung hoàn tất hồ sơ, nếu không có mục đích chiếm đoạt thì hàng hóa không bị thất thoát cho đến khi S1 đánh bạc thua với số tiền quá lớn không còn khả năng giải quyết.

Từ cuối tháng 7/2018 khi thấy S1 không trả phiếu kịp thời và số lượng xăng dầu tạm ứng quá nhiều thì T và T1 nhiều lần nhắc nhở S1 phải hoàn chỉnh thủ tục nhưng S1 viện cớ ra nhiều lý do việc chậm trả phiếu, chỉ trả lai rai hoặc trả không đủ với số lượng đã tạm ứng. Đến ngày 15/8 thì bị cáo T, T1 phản ứng quyết liệt việc S1 không giữ lời hứa, không làm thủ tục thanh toán số xăng dầu đã xuất qua tin nhắn. Mặc dù S1 tiếp tục thúc ép, hứa hẹn nhưng T và T1 kiên quyết phản đối không xuất hàng qua tin nhắn nữa nếu không giải quyết xong số đã ứng trước đây và đòi báo về Công ty nhưng S1 năn nỉ để S1 có thời gian khắc

phục hậu quả. Bị cáo T, T1 dù biết việc làm của bị cáo S1 là sai trái nhưng vì nể nang, cả tin bởi mối quan hệ phụ thuộc bởi S1 là cấp trên trực tiếp nên đã chần chừ, do dự không kiên quyết báo cáo về Lãnh đạo Công ty từ đó vô tình tạo điều kiện giúp cho S1 lợi dụng những sơ hở thiếu sót trong quá trình quản lý tài sản để thực hiện hành vi tham ô xăng dầu của Công ty Mê Kông.

Đề nghị Hội đồng xét xử có sự xem xét so sánh những vụ án tham ô vừa qua có những tình tiết tương tự giống nhau như vụ án này. Thực tế, cuối tháng 6 vừa qua Toà án đã xét xử 7 bị cáo tham ô 50 tỉ đồng tại Bộ Tư lệnh cảnh sát biển Việt Nam, có liên quan đến nhiều cán bộ cấp dưới trong việc thông đồng với các nhà thầu lập hồ sơ nâng giá vật tư, thiết bị trong một số gói thầu lấy chêch lệch. Với 31 cán bộ, nhân viên thuộc Tổ khảo sát giá, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, Tố nghiệm thu các gói thầu, nhóm này bị đánh giá không làm hết chức trách, nhiệm vụ được giao. Quá trình điều tra cho thấy họ không có động cơ vụ lợi, không biết mục đích chiếm đoạt tiền để chia nhau của Thủ trưởng Bộ Tư lệnh. Do đó, họ không đồng phạm tội tham ô tài sản. Viện kiểm sát kiến nghị xử lý kỷ luật nghiêm minh theo quy định.Cuối cùng là nhóm 21 nhà thầu tham gia 29 hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị, đều khẳng định việc chuyển lại tiền đều là do các trưởng phòng thuộc Cục Kỹ thuật đặt vấn đề hỗ trợ, tạo điều kiện để tạo nguồn quỹ vốn cho đơn vị sử dụng vào mục đích chung nên đồng ý chuyển bằng hình thức nâng giá vật tư, thiết bị hoặc trích lại nguồn lợi nhuận. Viện kiểm sát cho rằng, các nhà thầu không có động cơ vụ lợi và không biết số tiền chuyển lại bị một số cá nhân chiếm đoạt, nên không xem xét xử lý.

Tuy nhiên các hành vi của bị cáo T, T1 có đủ dấu hiệu của "Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng" được quy định tại điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cụ thể như sau: Chi nhánh Bến Tre là đơn vị hạch toán báo sổ. Kho xăng dầu B2 có kế toán kho, hàng ngày, hàng tháng phải báo cáo số liệu về việc việc xuất nhập xăng dầu, báo cáo số liệu thẻ kho, thẻ bể, số công tơ bể đầy đủ kịp thời về Chi nhánh và Công ty theo Quyết định 99/QĐ-DKMK ngày 20/3/2017. Trong quá trình quản lý, vận hành kho xuất phát từ việc xuất hàng trong khi chưa đầy đủ thủ tục theo chỉ đạo của bị cáo S1, Bị cáo T và T1 đã khai man, hợp thức hóa hồ sơ, lập sổ sách kế toán giả mạo báo cáo về Công ty không đúng với thực trạng xuất kho, tồn kho xăng dầu và hoạt động tại kho, làm thủ tục xuất kho trên sổ sách; xuất kho hàng gởi của khách không đúng quy định, xuất kho sai quy trình cho khách hàng không đảm bảo thủ tục, hóa đơn chứng từ, mở hai hệ thống sổ sách theo dõi số lượng xuất nhập xăng dầu không đúng thực tế... gây hậu quả nghiêm trọng.

Vì những lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: Xem xét thay đổi tội danh của Bị cáo T từ tội "Tham ô tài sản" đồng phạm với bị cáo Mai Thanh S1với vai trò giúp sức S1 tội "Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 3 điều 221 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T: Mức án 9 năm tù đối với Bị cáo T là quá nặng không tương xứng với hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong suốt

quá trình giải quyết vụ án, có nhân thân tốt, có hai con nhỏ, thực hành nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của cấp trên, có quan hệ lệ thuộc và không có hưởng lợi cá nhân; không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, mà chỉ vì muốn tạo điều kiện thuận lợi, phục vụ khách hàng được tốt hơn; không ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, t, khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, khoản 3 điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 30/12/2020, áp dụng khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ đến mức thấp nhất trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mong Hội đồng xét xử có sự đánh giá toàn diện về bối cảnh thực tế tình hình chung việc xét xử tội phạm hiện nay, xem xét thấu đáo các nguyên nhân khách quan, chủ quan; nhận thức, động cơ; mục đích và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể khi phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên mà tuyên mức án "thấu tình đạt lý".

Bị cáo T trình bày: thống nhất ý kiến của người bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày: Tòa án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" chưa phù hợp. Hành vi của bị cáo chưa thỏa mãn khách quan yếu tố cấu thành tội, chưa đủ cơ sở xác định đồng phạm. Bị cáo thừa nhận hành vi thực hiện theo mệnh lệnh của cấp trên dẫn đến S1 chiếm đoạt tiền của Công ty. Bị cáo không biết mục đích của S1, S1 cũng thừa nhận không thông báo cho biết mục đích của mình, chỉ tiếp nhận thông tin mở rộng thị trường, không có cơ sở xác định hưởng lợi. Mặt khách quan của tội "Tham ô tài sản" xuất hiện ý chí chiếm đoạt và hành vi chiếm đoạt đây là yếu tố bắt buộc, chưa có cơ sở chứng minh. Mặt khác trong quá trình điều tra và xét xử T, T1, S1 không có sự bàn bạc thống nhất để cùng chiếm đoạt tài sản, không thể xác định đồng phạm. Nghĩ tạo điều kiện S1 mở rộng thị trường, giúp đỡ khách hàng của Công ty. Mục đích của các bị cáo khác nhau, không thống nhất. Tình tiết giảm nhẹ, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre ghi nhận đầy đủ các tình tiết thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra, hành vi của bị cáo liên quan nhóm tội phạm tham nhũng và tội chức vụ theo đó tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03 hướng dẫn xem xét áp dụng chính sách khoan hồng cho bị cáo, phạm tội lần đầu, có mối quan hệ chịu sự tác động của cấp trên. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo so với án sơ thẩm.

Bị cáo T1 trình bày: thống nhất lời trình bày của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Quan điểm của luật sư không đồng ý. Án sơ thẩm xử bị cáo tội "Tham ô tài sản" là có căn cứ. Dù các bị cáo không có ý thức vụ lợi, nhưng các bị cáo không làm đúng quy định của pháp luật cũng như quy chế Công ty. Dù các bị cáo không cùng chung mục đích không bàn bạc tuy nhiên các bị cáo thực hiện theo ý chí của mình phù hợp ý chí S1, S1 thực hiện hành vi thông qua giúp sức của T và T1 để chiếm đoạt tiền. Quan điểm của luật sư không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét toàn diện

khách quan, bối cảnh của bị cáo khi xảy ra sự việc để có bản án mang tính nhân văn.

Bị cáo T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận việc làm của bị cáo là sai, nhưng bị cáo là người làm công ăn lương không có cách phản kháng yêu cầu cấp trên không nhận lợi ích vật chất nào xin giảm nhẹ, xin xem xét việc làm của bị cáo; tội danh "Tham ô tài sản" vì bị cáo làm việc dưới sự quản lý điều hành của cấp trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Từ tháng 6 năm 2018 đến 21 tháng 8 năm 2018, Mai Thang S1 với chức vụ là Phó Giám đốc Chi nhánh Bến Tre, phụ trách Chi nhánh Bến Tre của Công ty Cổ phần D, có trách nhiệm quản lý tài sản chung của Chi nhánh Bến Tre, nhưng để có tiền đánh bạc thông qua mạng internet và tiêu xài cá nhân, Mai Thanh S1đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần D và một số doanh nghiệp liên quan dùng để đánh bạc và tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng hoàn trả. Cụ thể:

Lợi dụng sự tin tưởng của Công ty Cổ phần D và chính sách bán hàng cho nợ linh động của Công ty, Mai Thanh S1đã tự ý thực hiện quy trình đặt hàng, không có sự đồng ý của khách hàng, báo cáo gian dối về Lãnh đạo Công ty thông qua đơn đặt hàng và đề nghị xuất hàng lập khống, để Lãnh đạo Công ty phê duyệt giống như những đơn hàng bình thường của khách hàng nhưng ghi nợ cho khách hàng. Sau khi được phê duyệt, S1 chỉ đạo Nguyễn Văn T(Trưởng Kho xăng dầu B2) và Nguyễn Xuân T1(Kế toán Kho xăng dầu B2) làm thủ tục xuất kho để S1 bán cho khách hàng hoặc trả phiếu cho lượng hàng S1 đã mượn kho trước đó. Bằng thủ đoạn này, S1 đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.196.130.000 đồng (BL 28986-28987) của Công ty Cổ phần D, thông qua việc tự ý lên hóa đơn cho các công ty.

1. Doanh nghiệp tư nhân N9, S1 tự ý lên 03 hóa đơn 2851 (BL 3788), 2852 (BL 3785), ngày 15/8/2018 và hóa đơn 2884 (BL 3771), ngày 18/8/2018, để làm thủ tục xuất kho 3.000 lít xăng A95 và 3.000 lít dầu DO, ghi nợ cho Doanh nghiệp Ngọc Sơn với Công ty Cổ phần D số tiền mua hàng 107.850.000 đồng.

2. Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4, S1 tự ý lên hai hóa đơn 2894 (BL 3754), và 2895 (BL 3757), ngày 20/8/2018, để làm thủ tục xuất kho 2.000 lít xăng A95 và 3.000 lít dầu Do, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng 88.080.000 đồng.

3. Doanh nghiệp tư nhân T15, S1 tự ý lên hai hóa đơn 2879 (BL 3737), 2880 (BL 3740) ngày 18/8/2018 để làm thủ tục xuất kho 3.000 lít xăng A95 và 2.000 lít dầu DO, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng 91.670.000 đồng.

4. Doanh nghiệp tư nhân N7, S1 tự ý lên hai hóa đơn 2842 (BL 3718), 2846 (BL 3721) cùng ngày 14/8/2018, làm thủ tục xuất kho tổng số lượng 2.000 lít dầu DO, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng là 32.360.000 đồng.

5. Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu L3, S1 tự ý lên hai hóa đơn 2803 (BL 3694), 2805 (BL 3697) cùng ngày 06/8/2018, làm thủ tục xuất kho tổng số lượng 2.000 lít xăng A95 và 3.000 lít dầu DO, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng là 88.010.000 đồng.

6. Doanh nghiệp tư nhân T23, S1 tự ý ghi thêm số lượng 2.000 lít xăng A95 trong hóa đơn 2872 (BL 3682) mua 5.000 lít xăng A95 vào ngày 17/8/2018, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng là 39.580.000 đồng.

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Q1, S1 tự ý lên tám hóa đơn, cụ thể: hóa đơn số 2377 (BL 3668), 2378 (BL 3665) cùng ngày 27/6/2018, 2764 (BL 3655), 2765 (BL 3652) cùng ngày 01/8/2018, 2843 (BL 3638), 2844 (BL 3635) cùng ngày 14/8/2018, 2593 (BL 3625), 2595 cùng ngày 18/8/2018, để làm thủ tục xuất kho tổng số lượng 17.000 lít xăng A95 và 9.000 lít dầu DO, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng là 484.440.000 đồng.

8. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xăng dầu M5, S1 tự ý lên hai hóa đơn 2838 (BL 3564) ngày 13/8/2018 và 2864 (BL 3579) ngày 16/8/2018, để làm thủ tục xuất kho số lượng 5.000 lít dầu Do, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng là 80.800.000 đồng.

9. Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa dầu N8, S1 tự ý lên hai hóa đơn 2877 (BL 3591), 2878 (BL 3594) ngày 18/8/2018, làm thủ tục xuất kho tổng số lượng 6.000 lít xăng A95 và 4.000 lít dầu DO, ghi nợ cho doanh nghiệp với Công ty số tiền mua hàng là 183.340.000 đồng.

Trong số tiền 1.196.130.000 đồng Mai Thanh S1đã chiếm đoạt, S1 báo cáo gian dối, tự ý lên công nợ cho khách hàng và yêu cầu Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 làm thủ tục xuất kho trên sổ sách để bù lượng hàng đã mượn kho trước đó, tổng các đơn hàng có giá trị 748.480.000 đồng. Tự ý lên công nợ cho khách hàng, sau khi được Lãnh đạo Công ty phê duyệt, S1 làm thủ tục xuất kho bán cho khách hàng, tổng đơn hàng có giá trị 447.650.000 đồng (BL 28986-28987);

S1 yêu cầu Nguyễn Văn T(Trưởng Kho xăng dầu B2) và Nguyễn Xuân T1(Kế toán Kho xăng dầu B2) làm thủ tục xuất kho hàng gửi của khách hàng nhưng không giao hàng, S1 đã chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần D có giá

trị tổng cộng là 429.140.000 đồng (BL 28989), tương ứng với số tiền hàng gửi của các doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N3 số lượng 5.000 lít xăng A95 và 5.000 lít dầu DO, giá trị 182.150.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Long Thành số lượng 3.000 lít dầu DO, giá trị 48.540.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân H5 số lượng 10.000 lít xăng A95, đơn giá 198.450.000 đồng.

S1 nhắn tin cho Nguyễn Văn T là Trưởng Kho xăng dầu B2 và Nguyễn Xuân T1là Kế toán kho, yêu cầu xuất hàng hóa là xăng dầu được tồn chứa tại kho để bán cho khách hàng nhưng chưa có hóa đơn, hồ sơ xuất kho. S1 đã bán cho các khách hàng, thu tiền và chiếm đoạt của Công ty Cổ phần D số lượng: 47.000 lít xăng A95 và 48.313 lít dầu DO. Tổng giá trị hàng hóa S1 đã chiếm đoạt: (47.000 lít xăng A95 x 19.620đồng/lít) + 48.313 lít dầu DO x 16.180 đồng/lít) = 1.703.844.340 đồng (BL 1853; 28990-28991);

Bị cáo Nguyễn Văn T được bổ nhiệm chức Trưởng Kho xăng dầu B2, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, T đã chỉ đạo cho Nguyễn Xuân T1 là Kế toán kho, xuất kho xăng dầu tại Kho Ba Tri giao theo yêu cầu của Mai Thanh S1sai quy trình, đồng thời chỉ đạo Nguyễn Xuân T1thực hiện việc hợp thức hóa hồ sơ, lập sổ sách, báo cáo gửi về Công ty Cổ phần D không đúng thực tế với hiện trạng xuất kho, tồn kho hàng hóa và hoạt động tại kho trong thời gian dài, tạo điều kiện để Mai Thanh S1chiếm đoạt hàng hóa có tổng giá trị 2.881.464.340 đồng. Cụ thể: làm thủ tục xuất kho trên sổ sách (do Mai Thanh S1tự ý lên hóa đơn) để bù lượng hàng đã xuất kho sai quy trình trước đó với tổng giá trị 748.480.000 đồng; làm thủ tục xuất kho hàng gửi của khách hàng nhưng không giao hàng để bù cho lượng hàng đã xuất kho sai quy trình trước đó với tổng giá trị 429.140.000 đồng và xuất kho để bán cho khách hàng khi không có hóa đơn chứng từ với tổng giá trị 1.703.844.340 đồng.

Bị cáo Nguyễn Xuân T1 là kế toán Kho xăng dầu B2, có nhiệm vụ thực hiện công tác kế toán, thống kê tại kho. Đã thực hiện theo chỉ đạo của Mai Thanh S1và Nguyễn Văn T, tiến hành xuất kho sai quy trình; Trong thời gian dài từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018, Nguyễn Xuân T1đã tiến hành hợp thức hóa hồ sơ xuất kho khi Mai Thanh S1trả phiếu, thực hiện báo cáo tồn kho, thẻ kho, thẻ bể, đối chiếu hàng hóa với Chi nhánh không đúng thực tế diễn biến hoạt động tại kho, không báo cáo số liệu hàng hóa xuất kho sai quy trình theo yêu cầu của Mai Thanh S1. Tạo điều kiện để Mai Thanh S1chiếm đoạt hàng hóa có giá trị 2.881.464.340 đồng. Cụ thể: làm thủ tục xuất kho trên sổ sách (do Mai Thanh S1tự ý lên hóa đơn) để bù lượng hàng đã xuất kho sai quy trình trước đó với tổng giá trị 748.480.000 đồng; làm thủ tục xuất kho hàng gửi của khách hàng nhưng không giao hàng để bù cho lượng hàng đã xuất kho sai quy trình trước đó với tổng giá trị 429.140.000 đồng và xuất kho để bán cho khách hàng khi không có hóa đơn chứng từ với tổng giá trị 1.703.844.340 đồng.

Mai Thanh S1đại diện cho Chi nhánh Công ty Cổ phần D tại tỉnh Bến Tre, trực tiếp thu tiền mặt của khách hàng và yêu cầu khách hàng chuyển tiền qua tài khoản cá nhân của S1 để thanh toán công nợ cho Chi nhánh Công ty Cổ phần D.

Số tiền này S1 có trách nhiệm quản lý và nộp vào tài khoản của Công ty Cổ phần D, nhưng S1 đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. S1 đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần D với tổng số tiền 1.042.920.000 đồng (BL 28985). Cụ thể, S1 đã thu tiền thanh toán công nợ của 09 công ty, doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp Trách nhiệm hữu hạn thương mại xăng dầu Thành Lộc số tiền 32.000.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân T17 số tiền 209.980.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân H2 số tiền 352.180.000 đồng; Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3– Cửa hàng xăng dầu T19số tiền 98.850.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân T20 số tiền 39.540.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân C1 số tiền 87.810.000 đồng; Doanh nghiệp tư nhân X4 số tiền 96.000.000 đồng; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Q1 số tiền 36.560.000 đồng, Doanh nghiệp tư nhân P2 số tiền 90.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần D thuộc doanh nghiệp Nhà nước, các quyết định bổ nhiệm đối với Mai Thanh S1, Nguyễn Văn Tvà Nguyễn Xuân T1là đúng thẩm quyền.

Mai Thanh S1còn có hành vi lợi dụng sự tin tưởng thông qua giao dịch mua bán hàng ngoài với các doanh nghiệp, S1 đã nhận tiền đặt cọc mua hàng ngoài với các doanh nghiệp, nhưng đã sử dụng vào mục đích đánh bạc, thua bạc, dẫn đến mất khả năng chi trả, không giao hàng cho khách hàng. S1 đã chiếm đoạt tiền của 04 doanh nghiệp, với tổng số tiền 321.727.512 đồng (BL 28988). Cụ thể: Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu N4 số tiền 150.415.012 đồng, Doanh nghiệp tư nhân T15 số tiền 91.112.500 đồng, Doanh nghiệp tư nhân N6 số tiền 47.940.000 đồng, Doanh nghiệp tư nhân thương mại xăng dầu L3 số tiền 32.260.000 đồng.

Theo lời khai của bị cáo T: "*Từ ngày vào thời điểm 15/6/2018 đến 22/8/2018 thì tất cả các báo báo gửi về công ty số liệu không đúng thực tế*" (BL 29176); còn bị cáo Tiền có lời khai: "*tôi là Kế toán thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của trưởng kho là Nguyễn Văn T, khi T nhắn tin tôi yêu cầu xuất hàng sai quy định thì tôi thực hiện theo, còn các tin nhắn mà S1 nhắn tin đến cho tôi là yêu cầu tôi cấp hàng cho Khách hàng theo đúng quy trình, còn nếu S1 yêu cầu tôi cấp hàng sai quy trình phải có tin nhắn của T yêu cầu tôi lượng hàng tương ứng hoặc có sự chỉ đạo trực tiếp của T"* (BL 1682)*;* "*Những báo cáo là thẻ kho, thẻ bể và Biên bản kiểm kê gửi về Công ty là Nội dung không đúng với sổ sách là phần hàng hóa có hóa đơn, còn phần xuất kho sai quy trình không có thể hiện* (BL 1702). Những nội dung này thể các bị cáo thực hiện việc lập hồ sơ khống sau khi đã xuất hàng; các nội dụng này cũng chứng minh việc hàng hóa ra khỏi kho phải thông qua Trưởng kho (T) và kế toán (T1); hàng hóa bị chiếm đoạt là số liệu xăng, dầu có tại kho được xuất đi đã được đối chiếu, phù hợp với lời khai của bị cáo S1 tất cả xăng, dầu đã xuất gây thiệt hại là tài sản của Công ty Cổ phần D;

Các bị cáo T, T1 cho rằng không đồng phạm với S1, các bị cáo chỉ thừa nhận làm sai quy trình, làm theo chỉ đạo. Tuy nhiên việc xuất hàng rời kho phải

thông qua Trưởng kho (T) để Kế toán (T1) là người làm thủ tục xuất kho là các khâu này có mối liên kết nhau, cả hai thừa nhận xuất sai và cùng thực hiện trên cơ sở yêu cầu của S1 đã tạo điều kiện cho S1 thực hiện hành vi sai quy định.

Các bị cáo không quản lý tiền mặt nhưng xăng, dầu bị thất thoát được quy ra bằng tiền và tự S1 yêu cầu các khách hàng giao tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của S1, lẽ ra bị cáo S1 phải chuyển tiền vào tài khoản của Công ty nhưng S1 không thực hiện mà chiếm đoạt để phục vụ cho mục đích cá nhân.

Đối với bị cáo S1 khi thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa với danh nghĩa là Phó Giám đốc Chi nhánh Bến Tre. Bị cáo cho rằng lợi dụng chính sách bán hàng của Công ty để thực hiện việc xuất hàng sai quy trình lập chứng từ không đúng thực tế để yêu cầu xuất hàng và yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản riêng của bị cáo và yêu cầu giao tiền mặt cho bị cáo.

Theo Quyết định số 19 ngày 04/01/2018 tại Điều 1 có ghi: *Giao Chi nhánh quản lý, điều hành các kho trung chuyển xăng dầu Cửa hàng xăng dầu trực thuộc. CBCNV tại các kho trung chuyển xăng dầu, Cửa hàng xăng dầu thuộc biên chế nhân sự của chi nhánh* và tại Điều 3: *Trưởng các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần D và Giám đốc chi nhánh có liên quan tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này*. Quyết định này chứng minh Mai Thanh S1được bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh Bến Tre (không có Giám đốc) được giao quản lý điều hành Chi nhánh Bến Tre và Kho trung chuyển xăng dầu Ba Tri.

Mai Thanh S1 đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần D số tiền 4.372.034.340 đồng, trong đó Nguyễn Văn T và Nguyễn Xuân T1 giúp sức để S1 chiếm đoạt số tiền 2.881.464.340 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với với lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1xin giảm nhẹ hình phạt, tội danh và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 về tội "Tội tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên*" là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

Các bị cáo thực hiện hành vi mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo S1 giữ vai trò chính, Bị cáo T và bị cáo T1 với vai trò giúp sức. Do vậy, các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi và hậu quả do các bị cáo đã gây ra.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tặng nặng giảm nhẹ đầy đủ cho các bị cáo.

Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo; thể hiện ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nộp một số tiền để bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần D (Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; bị cáo Tiền đã tác động gia đình bồi thường số tiền 425.000.000 đồng); Bị cáo T, T1 tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án, có nhân thân tốt, có hai con còn nhỏ, thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của cấp trên và không có hưởng lợi. Công ty dầu khí M6 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội hai lần trở lên*" theo g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T1, T là người giúp sức, không hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt. Hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo T1, T là phù hợp.

[3.3] Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1. Giữ y án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù về "Tội tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2022.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 07 (bảy) năm tù về "Tội tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2022.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre ;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (để tống đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Trúc).